AASCs

Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tiền thân là Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Thanh Niên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304173170 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	403.416.300.000	VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022	:	103.416.300.000	VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Công ty là tổ chức sự kiện, quảng cáo, in ấn và phát hành báo, tạp chí.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*51,00%*	*51,00%*	*51,00%*	*51,00%*
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*55,55%*	*55,55%*	*55,55%*	*55,55%*
Công ty TNHH Long Phước Garden	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Aminia Vĩnh Hy	*32 Trần Nhân Tông, P. Thanh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	*2B Cao Thắng , P. 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh*	*34,00%*	*34,00%*	*34,00%*	*34,00%*
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*31,25%*	*31,25%*	*31,25%*	*31,25%*
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ami Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*25,00%*	*25,00%*	*25,00%*	*25,00%*
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*10,00%*	*10,00%*	*10,00%*	*10,00%*

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ	*3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ*
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Hà Nội	*Số 22-TT1, Dự án 249A Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội*

II. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Công Khế	Chủ tịch
Bà	Võ Hồng Uyên Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông	Hoàng Đại Thanh	Thành viên
Ông	Nguyễn Anh Nghĩa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Đặng Vũ Nhật Quang	Tổng Giám đốc
Ông	Đỗ Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Hoàng Đại Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Sơn Trà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà	Đặng Thị Thanh Vân	Trưởng ban
Bà	Lê Thị Lan Vi	Thành viên
Bà	Phạm Thị Như Ngân	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Bùi Thị Hồng Minh

Đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Công Khế

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

IV. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

V. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này.

- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VI. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022.

Duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2022
TM. Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN
DN: email=info@thanhniencorp.com.vn, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304173170, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN, ou=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN, o=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN, l=345/134 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, st=TP Hồ Chí Minh, c=VN
Date: 2022.08.30 15:30:03 +07'00'

ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG
Tổng Giám đốc

Số: 568... /BCKT-TC/2022/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TRUYỀN THÔNG THANH NIÊN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên, được lập ngày 26/08/2022, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty không ghi nhận kết quả lỗ kinh doanh của Chi nhánh Hà Nội vào Báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Công ty với số tiền là 848.910.125 đồng. Số tiền này được ghi nhận vào khoản phải thu của Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - bồi thường cá nhân. Hiện chưa có bằng chứng cho thấy khoản tiền bồi thường này có khả năng thu hồi được. Việc ghi nhận như trên làm cho chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế tăng 1 khoản là 848.910.125 đồng trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng. Đồng thời trên Bảng cân đối kế toán riêng chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối và chỉ tiêu Phải thu khác cùng tăng 848.910.125 đồng, khoản phải thu khác lũy kế của Giám đốc Chi nhánh Hà Nội là : 5.009.491.427 đồng.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà chúng tôi nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại ngày 30/06/2022, kết quả kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0642-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**132.218.279.639**	**132.296.378.437**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**42.922.672.551**	**43.375.928.309**
Tiền	111		3.922.672.551	8.375.928.309
Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**46.100.000.000**	**41.100.000.000**
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	46.100.000.000	41.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**41.465.004.379**	**45.347.670.451**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	32.815.918.748	37.685.055.228
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.897.756.698	6.055.971.464
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	34.747.366.991	33.602.681.817
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(31.996.038.058)	(31.996.038.058)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.7	**207.505.655**	**204.564.290**
Hàng tồn kho	141		531.757.792	528.816.427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(324.252.137)	(324.252.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.523.097.054**	**2.268.215.387**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	30.957.624	574.849.322
Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.243.662	12.187.615
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.478.895.768	1.681.178.450
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**148.410.533.920**	**149.465.080.166**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**36.509.093.819**	**37.013.532.959**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.862.152.801	6.006.039.695
- Nguyên giá	222		11.648.452.415	11.648.452.415
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(5.786.299.614)	(5.642.412.720)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	30.646.941.018	31.007.493.264
- Nguyên giá	228		36.103.724.720	36.103.724.720
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(5.456.783.702)	(5.096.231.456)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.8	**99.186.825.630**	**99.186.825.630**
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		99.186.825.630	99.186.825.630
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.4	**10.705.532.160**	**10.835.101.920**
Đầu tư vào công ty con	251		3.485.395.402	3.485.395.402
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.932.651.558	10.932.651.558
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.300.000.000	5.300.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.012.514.800)	(8.882.945.040)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.009.082.311**	**2.429.619.657**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.009.082.311	2.429.619.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**280.628.813.559**	**281.761.458.603**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**151.494.550.467**	**149.188.261.526**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**27.494.550.467**	**29.188.261.526**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.159.436.340	7.320.538.297
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.165.249	50.151.783
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	171.974.968	273.501.313
Phải trả người lao động	314		263.835.798	351.100.004
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	60.000.000	60.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	19.059.484.156	19.901.801.521
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.729.653.956	1.231.168.608
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**124.000.000.000**	**120.000.000.000**
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.15	124.000.000.000	120.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**129.134.263.092**	**132.573.197.077**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**129.134.263.092**	**132.573.197.077**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		103.416.300.000	103.416.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		103.416.300.000	103.416.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(112.647.172)	(106.944.901)
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.062.321.258	9.862.321.258
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.340.381.703	3.340.381.703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.427.907.303	16.061.139.017
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.925.349.669	10.360.685.365
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		502.557.634	5.700.453.652
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**280.628.813.559**	**281.761.458.603**

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHÙNG KIM DUNG	BÙI THỊ HỒNG MINH	ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**32.238.241.265**	**35.845.693.208**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**32.238.241.265**	**35.845.693.208**
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.209.603.051	29.973.774.235
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**6.028.638.214**	**5.871.918.973**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.363.559.394	901.607.033
Chi phí tài chính	22	VI.4	129.569.760	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.578.003.750	6.450.636.230
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**684.624.098**	**322.889.776**
Thu nhập khác	31	VI.5	20.216.218	207.510.391
Chi phí khác	32	VI.6	-	3.695.279.651
Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**20.216.218**	(3.487.769.260)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**704.840.316**	(3.164.879.484)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	202.282.682	141.364.920
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**502.557.634**	(3.306.244.404)

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHÙNG KIM DUNG	BÙI THỊ HỒNG MINH	ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		39.506.721.551	43.350.097.262
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.437.740.310)	(30.837.912.940)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.736.689.920)	(2.347.167.530)
Thuế TNDN đã nộp	05		-	(65.050.003)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.215.467.809	32.436.835.772
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.264.985.717)	(5.077.152.136)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**3.282.773.413**	**37.459.650.425**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	600.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(29.000.000.000)	(53.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.000.000.000	33.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.363.953.467	901.607.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(3.636.046.533)**	**(18.498.392.967)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(99.982.638)	(3.945.569.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(99.982.638)**	**(3.945.569.200)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(453.255.758)**	**15.015.688.258**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**43.375.928.309**	**34.739.358.986**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	V.1	**42.922.672.551**	**49.755.047.244**

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHÙNG KIM DUNG	BÙI THỊ HỒNG MINH	ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tiền thân là Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Thanh Niên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304173170 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02/05/2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	:	403.416.300.000	VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022	:	103.416.300.000	VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Công ty là tổ chức sự kiện, quảng cáo, in ấn và phát hành báo, tạp chí.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*51,00%*	*51,00%*	*51,00%*	*51,00%*
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*55,55%*	*55,55%*	*55,55%*	*55,55%*
Công ty TNHH Long Phước Garden	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*	*100,00%*
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Aminia Vĩnh Hy	*32 Trần Nhân Tông, P. Thanh Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*	*49,00%*
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	*2B Cao Thắng , P. 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh*	*34,00%*	*34,00%*	*34,00%*	*34,00%*
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*31,25%*	*31,25%*	*31,25%*	*31,25%*
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ami Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*25,00%*	*25,00%*	*25,00%*	*25,00%*
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*	*45,00%*
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Thanh Niên	*345/134 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*	*10,00%*	*10,00%*	*10,00%*	*10,00%*

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Mỹ	*3565 Seven Hill Road - Castro Valley, CA 94546, Hoa Kỳ*
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên tại Hà Nội	*Số 22-TT1, Dự án 249A Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác : khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này.Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
- Máy móc, thiết bị	5 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Tài sản vô hình	50 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua,bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có). Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:
- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;

- Đối với nợ phải thu : áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với nợ phải trả : áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	347.458.655	90.506.754
- Tiền gửi ngân hàng	3.575.213.896	8.285.421.555
+ Tiền gửi (VND)	2.113.965.293	6.348.763.625
+ Tiền gửi (USD)	1.461.248.603	1.936.657.930
+ Tiền gửi (EUR)	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	39.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	**42.922.672.551**	**43.375.928.309**

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	**24.487.220.478**	**29.487.180.994**
Công ty Cổ phần TMDV SX An Ninh	4.919.629.150	4.919.629.150
Tạp chí Một Thế Giới	3.082.113.459	2.961.068.070
Tập đoàn Vingroup - CTCP	3.000.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh	-	5.874.186.792
Các đối tượng khác	13.485.477.869	13.232.296.982
2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**8.328.698.270**	**8.197.874.234**
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	3.197.892.464	3.120.332.554
Công ty TNHH Long Phước Garden	1.320.000	1.320.000
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	262.080.901	262.080.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	28.167.990	28.167.990
Công ty Cổ phần DV TM XNK Thanh Niên	56.586.530	56.586.530
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	4.782.650.385	4.729.386.259
Cộng	**32.815.918.748**	**37.685.055.228**

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1. Ngắn hạn	**2.950.484.504**	**3.008.079.504**
Công ty TNHH Lâm Thịnh Hào	510.000.000	510.000.000
Công ty TNHH TMDV VT & QC Màu Xanh	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Việt Trung	972.900.000	972.900.000
Các đối tượng khác	967.584.504	1.025.179.504
3.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	**2.947.272.194**	**3.047.891.960**
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	2.947.272.194	3.047.891.960
Cộng	**5.897.756.698**	**6.055.971.464**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng)	11.100.000.000	11.100.000.000	11.100.000.000	11.100.000.000
- Các khoản đầu tư khác (*)	35.000.000.000	35.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	**46.100.000.000**	**46.100.000.000**	**41.100.000.000**	**41.100.000.000**

4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	**3.485.395.402**	**(3.485.395.402)**	-	**3.485.395.402**	**(3.485.395.402)**	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	475.965.402	(475.965.402)	-	475.965.402	(475.965.402)	-
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Công ty TNHH Long Phước Garden	9.430.000	(9.430.000)	-	9.430.000	(9.430.000)	-
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***10.932.651.558***	***(4.028.033.536)***	***6.904.618.022***	***10.932.651.558***	***(3.898.463.776)***	***7.034.187.782***
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	2.040.000.000	(2.040.000.000)	-	2.040.000.000	(2.040.000.000)	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	5.000.000.000	(664.708.294)	4.335.291.706	5.000.000.000	(482.993.695)	4.517.006.305
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	2.700.000.000	(342.959.953)	2.357.040.047	2.700.000.000	(395.104.792)	2.304.895.208
Công ty Cổ phần Truyền thông Ami Thanh Niên	169.475.614	(169.475.614)	-	169.475.614	(169.475.614)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	1.023.175.944	(810.889.675)	212.286.269	1.023.175.944	(810.889.675)	212.286.269
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	***5.300.000.000***	***(1.499.085.862)***	***3.800.914.138***	***5.300.000.000***	***(1.499.085.862)***	***3.800.914.138***
Công ty Cổ phần Cao ốc Thanh Niên Detesco	4.000.000.000	(199.085.862)	3.800.914.138	4.000.000.000	(199.085.862)	3.800.914.138
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thanh Niên	300.000.000	(300.000.000)	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Cộng	**19.718.046.960**	**(9.012.514.800)**	**10.705.532.160**	**19.718.046.960**	**(8.882.945.040)**	**10.835.101.920**

Ghi chú :

(*) Hợp tác kinh doanh với các đơn vị và cá nhân như sau :

- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD-TNM/21 ngày 21/05/2021 và Phụ lục 01//HĐHTKD-TNM/22 với ông Nguyễn Anh Nghĩa (thành viên HĐQT), số tiền 30.000.000.000 đồng, thời hạn từ 21/05/2021 đến 31/12/2022, lợi nhuận 8.000.000.000 đồng. Mục đích : Chuyển mục đích sử dụng, thiết kế, làm cơ sở hạ tầng cho dự án tại thôn Sơn Hải 2, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, diện tích dự án : 50.859 m2.

- Thỏa thuận hợp tác số 01/TTHT-CPTN/KD/22 ngày 20/01/2022 với Công ty TNHH Du lịch Âu Việt, tạm ứng số tiền 5.000.000.000 đồng, thực hiện hoàn công, hoàn tất thủ tục pháp lý để sang nhượng khách sạn Emerald Bay Hotel & Spa trên diện tích đất 422,8m2, nằm trên thửa đất 213 thuộc tờ bản đồ 34, tại địa chỉ 100/18C/T25 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu của Công ty TNHH Du lịch Âu Việt. Thời hạn thỏa thuận : đến hết ngày 31/12/2022, lợi nhuận nhận được dao động từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng tùy theo mức độ thực hiện công việc sang nhượng.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	21.444.697.686	-	20.908.006.416	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	182.366.174	-	414.567.924	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	12.976.300.884	6.614.800.022	12.164.771.812	6.614.800.022
- Phải trả khác (số dư nợ)	*144.002.247*	-	115.335.665	-
Cộng	**34.747.366.991**	**6.614.800.022**	**33.602.681.817**	**6.614.800.022**

Ghi chú: (*)

Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	301.000.000	301.000.000	
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	386.790.411	386.790.411	
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	2.508.711.872	2.538.951.872	
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	1.521.700.000	1.521.700.000	
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	435.769.100	435.769.100	
Công ty TNHH Long Phước Garden	17.000.000	17.000.000	
Hãng phim Thanh Niên	2.017.216.729	2.017.216.729	
Ông Nguyễn Anh Nghĩa	2.633.000	2.633.000	
Ông Đỗ Ngọc Tuấn	5.009.491.427	4.160.581.302	
Đối tượng khác	775.988.345	783.129.398	
Cộng	**12.976.300.884**	**12.164.771.812**	

6 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Chi tiết:				
+ Phải thu khách hàng	26.900.316.235	4.288.128.199	26.900.316.235	4.288.128.199
+ Phải thu khác	7.119.478.112	504.678.090	7.119.478.112	504.678.090
+ Trả trước cho người bán	2.874.050.000	105.000.000	2.874.050.000	105.000.000
Cộng	**36.893.844.347**	**4.897.806.289**	**36.893.844.347**	**4.897.806.289**

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Hàng hóa	531.757.792	(324.252.137)	528.816.427	(324.252.137)
Cộng	**531.757.792**	**(324.252.137)**	**528.816.427**	**(324.252.137)**

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ : 324.252.137 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

8 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	**99.186.825.630**	**99.186.825.630**
Chi phí đầu tư Dự án Khu nhà ở tại phường Long Phước, quận 9, TP. Hồ Chí Minh (*)	*97.287.994.376*	*97.287.994.376*
Dự án tại tỉnh Ninh Thuận	1.739.126.709	1.739.126.709
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	159.704.545	159.704.545
Cộng	**99.186.825.630**	**99.186.825.630**

Ghi chú:

(*) Đây là các khoản Chi phí thuộc Dự án Khu nhà ở Báo Thanh Niên tại phường Long Phước, quận 9, TP. HCM do Công ty nhận bàn giao lại từ Công đoàn Báo Thanh Niên theo Biên bản thỏa thuận ngày 01/09/2010.

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	**7.696.613.891**	**386.786.000**	**3.116.530.000**	**448.522.524**	**11.648.452.415**
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**7.696.613.891**	**386.786.000**	**3.116.530.000**	**448.522.524**	**11.648.452.415**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	**1.753.117.536**	**386.786.000**	**3.116.530.000**	**385.979.184**	**5.642.412.720**
Số tăng trong kỳ	**128.276.898**	-	-	**15.609.996**	**143.886.894**
- Khấu hao trong kỳ	128.276.898	-	-	15.609.996	143.886.894
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**1.881.394.434**	**386.786.000**	**3.116.530.000**	**401.589.180**	**5.786.299.614**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**5.943.496.355**	-	-	**62.543.340**	**6.006.039.695**
Tại ngày cuối kỳ	**5.815.219.457**	-	-	**46.933.344**	**5.862.152.801**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	-	
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*3.906.678.524*	VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý	-	

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	**36.055.224.720**	-	-	**48.500.000**	-	-	**36.103.724.720**
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**36.055.224.720**	-	-	**48.500.000**	-	-	**36.103.724.720**
Giá trị hao mòn luỹ kế							
Số dư đầu năm	**5.047.731.456**	-	-	**48.500.000**	-	-	**5.096.231.456**
Số tăng trong kỳ	**360.552.246**	-	-	-	-	-	**360.552.246**
- Khấu hao trong kỳ	360.552.246	-	-	-	-	-	**360.552.246**
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**5.408.283.702**	-	-	**48.500.000**	-	-	**5.456.783.702**
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	**31.007.493.264**	-	-	-	-	-	**31.007.493.264**
Tại ngày cuối kỳ	**30.646.941.018**	-	-	-	-	-	**30.646.941.018**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: - *VND*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *48.500.000* *VND*

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác: không

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11.1. Ngắn hạn		
- CCDC xuất dùng	2.236.665	4.920.667
- Chi phí Dự án Năng lượng mặt trời	-	531.382.726
- Chi phí khác	28.720.959	38.345.929
Cộng	**30.957.624**	**574.849.322**
11.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	179.892.118	108.317.100
- Chi phí sửa chữa lớn	1.086.214.370	997.710.227
- Chi phí khấu hao chờ phân bổ	600.920.411	1.201.840.823
- Chi phí khác	142.055.412	121.751.507
Cộng	**2.009.082.311**	**2.429.619.657**

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12.1. Ngắn hạn				
CTCP Sáng Tạo Tứ Giác	-	-	2.169.380.952	2.169.380.952
CTCP Phát triển Công nghệ Vĩnh Phát	657.252.921	657.252.921	657.252.921	657.252.921
Báo Thanh Niên	736.834.327	736.834.327	503.280.000	503.280.000
Công ty TNHH Truyền thông và In ấn Thanh Niên	1.046.889.957	1.046.889.957		
Công ty TNHH TM&SX Lộc Thành	-	-	330.101.363	330.101.363
Công ty In - TM TTX Việt Nam	-	-	214.719.568	214.719.568
Các đối tượng khác	2.669.846.659	2.669.846.659	2.157.191.017	2.157.191.017
Cộng	**5.110.823.864**	**5.110.823.864**	**6.031.925.821**	**6.031.925.821**
12.2. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Truyền Thông Một Thế Giới	-	-	240.000.000	240.000.000
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	1.770.000	1.770.000	1.770.000	1.770.000
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	1.046.842.476	1.046.842.476	1.046.842.476	1.046.842.476
Cộng	**1.048.612.476**	**1.048.612.476**	**1.288.612.476**	**1.288.612.476**
Cộng Phải trả người bán	**6.159.436.340**	**6.159.436.340**	**7.320.538.297**	**7.320.538.297**

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
13.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	190.719.794	804.606.938	975.615.364	19.711.368
Thuế thu nhập cá nhân	82.781.519	599.058.527	529.576.446	152.263.600
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất	-	33.720.266	33.720.266	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**273.501.313**	**1.440.385.731**	**1.541.912.076**	**171.974.968**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
13.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.681.178.450	202.282.682	-	1.478.895.768
Cộng	**1.681.178.450**	**202.282.682**	-	**1.478.895.768**

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí phải trả về hoạt động tổ chức sự kiện, quảng cáo (Chương trình Festival Hoa Đà Lạt)	60.000.000	60.000.000
Cộng	**60.000.000**	**60.000.000**

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
15.1 Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn		2.340.396
- BHXH, BHYT, BHTN	21.696.617	18.439.481
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.385.955.331	1.383.448.969
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	14.651.832.208	18.497.572.675
Cộng	**19.059.484.156**	**19.901.801.521**
15.2. Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (Bà Nguyễn Thùy Linh)	124.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	**124.000.000.000**	**120.000.000.000**
Ghi chú: (*)		
Quỹ nhân tài nước Việt - Học bổng Nguyễn Thái Bình	*392.788.391*	*392.788.391*
Quỹ nhân tài nước Việt	*7.737.438.662*	*7.737.438.662*
Đối tượng khác	*453.896.355*	*346.436.822*
Phải trả khác cho các bên liên quan:	-	-
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	*20.908.800*	*20.908.800*
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sức Khỏe Việt	*46.800.000*	-
Công ty TNHH Long Phước Garden	*6.000.000.000*	*10.000.000.000*
Cộng	***14.651.832.208***	***18.497.572.675***

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**103.416.300.000**	**(84.073.701)**	**9.862.321.258**	**3.340.381.703**	**10.360.685.379**	**126.895.614.639**
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-		-	-	
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-		
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(3.306.244.404)	(3.306.244.404)
- Giảm khác	-	(6.088.017)	-	-	(14)	(6.088.031)
Số dư cuối kỳ trước	**103.416.300.000**	**(90.161.718)**	**9.862.321.258**	**3.340.381.703**	**7.054.440.961**	**123.583.282.204**
Số dư đầu năm nay	**103.416.300.000**	**(106.944.901)**	**9.862.321.258**	**3.340.381.703**	**16.061.139.017**	**132.573.197.077**
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	502.557.634	502.557.634
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	1.200.000.000	-	(5.135.789.348)	(3.935.789.348)
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(5.702.271)	-	-	-	(5.702.271)
Số dư cuối kỳ này	**103.416.300.000**	**(112.647.172)**	**11.062.321.258**	**3.340.381.703**	**11.427.907.303**	**129.134.263.092**

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	103.416.300.000	103.416.300.000
Cộng	**103.416.300.000**	**103.416.300.000**

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	103.416.300.000	103.416.300.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	103.416.300.000	103.416.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(99.982.638)	(3.945.569.200)

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn trả vốn góp cho chủ sở hữu với số tiền là 300.000.000.000 đồng, tuy nhiên Công ty chưa tiến hành thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

16.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.341.630	10.341.630
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.341.630	10.341.630
+ Cổ phiếu phổ thông	10.341.630	10.341.630
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.341.630	10.341.630
+ Cổ phiếu phổ thông	10.341.630	10.341.630
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.*

16.5. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

16.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	11.062.321.258	9.862.321.258
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.340.381.703	3.340.381.703

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	64.642,23	62.323,60

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	10.933.588.768	18.159.007.478
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.304.652.497	17.686.685.730
Cộng	**32.238.241.265**	**35.845.693.208**
Chi tiết doanh thu phân loại theo lĩnh vực kinh doanh		
Doanh thu dịch vụ, cho thuê văn phòng	1.288.066.664	1.677.219.868
Doanh thu bán hàng hóa	10.933.588.768	14.034.404.294
Doanh thu bán thành phẩm (in báo, sản phẩm)	2.615.380.491	4.124.603.184
Doanh thu quảng cáo, tài trợ	17.401.205.342	16.009.465.862
Cộng	***32.238.241.265***	***35.845.693.208***
Chi tiết doanh thu phân loại theo khu vực địa lý		
Doanh thu Khối Văn phòng	21.304.652.497	17.686.685.730
Doanh thu Chi nhánh Hà Nội	-	4.124.603.184
Doanh thu Chi nhánh Mỹ	10.933.588.768	14.034.404.294
Cộng	***32.238.241.265***	***35.845.693.208***
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	70.509.010	217.009.166
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	246.104.877	230.311.665
Công ty CPTT Một Thế Giới	41.280.813	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sức Khỏe Việt	77.412.415	
Cộng	***435.307.115***	***447.320.831***

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.573.549.271	13.286.973.787
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.615.380.491	3.697.090.137
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.020.673.289	12.989.710.311
Cộng	**26.209.603.051**	**29.973.774.235**
Chi tiết giá vốn phân loại theo lĩnh vực kinh doanh	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Giá vốn cho thuê văn phòng	394.263.701	359.176.339
Giá vốn hàng hóa	10.573.549.271	13.286.973.787
Giá vốn thành phẩm	2.615.380.491	3.697.090.137
Giá vốn quảng cáo - tài trợ	12.626.409.588	12.630.533.972
Cộng	***26.209.603.051***	***29.973.774.235***
Chi tiết giá vốn phân loại theo khu vực địa lý	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Giá vốn Khối Văn phòng	15.636.053.780	12.989.710.311
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	-	3.697.090.137
Giá vốn Chi nhánh Mỹ	10.573.549.271	13.286.973.787
Cộng	***26.209.603.051***	***29.973.774.235***

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.363.559.394	901.607.033
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-

Cộng	**1.363.559.394**	**901.607.033**

4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	129.569.760	-
Cộng	**129.569.760**	-

5 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ	-	-
- Các khoản khác (tiền đặt cọc thuê văn phòng)	20.216.218	207.510.391
Cộng	**20.216.218**	**207.510.391**

6 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý TSCĐ	-	3.667.522.585
- Các khoản tiền nộp phạt	-	27.757.066
- Các khoản khác	-	
Cộng	-	**3.695.279.651**

7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
7.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
Cộng	-	-
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên vật liệu	184.369.890	130.495.547
- Chi phí công cụ dụng cụ	203.929.112	121.879.235
- Chi phí nhân công	3.078.267.736	2.683.673.659
- Chi phí khấu hao	1.105.359.552	1.099.084.554
- Thuế, phí, lệ phí	47.029.266	13.504.574
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.333.207	507.322.596
- Chi phí khác bằng tiền	1.345.714.987	1.894.676.065
Cộng	**6.578.003.750**	**6.450.636.230**

8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên vật liệu	184.369.890	130.495.547
- Chi phí công cụ dụng cụ	407.858.224	243.758.470
- Chi phí nhân công	6.156.535.472	5.367.347.308
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.105.359.552	1.099.084.554
- Thuế, phí, lệ phí	47.029.266	13.504.574
- Chi phí dự phòng	-	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.666.414	1.014.645.192
- Chi phí bằng tiền khác	2.738.459.240	3.802.856.704
Cộng	**11.866.278.058**	**11.671.692.359**

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	202.282.682	76.314.917
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	65.050.003
Cộng	**202.282.682**	**141.364.920**

10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhận kế toán sau thuế TNDN	502.557.634	(3.306.244.404)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	502.557.634	(3.306.244.404)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.341.630	10.341.630
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**49**	**(320)**

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong kỳ, không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng :

Trong kỳ, Công ty có khoản tiền 4.100.000.000 đồng do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do khoản tiền này được dùng đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Thanh Niên Invesment.

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, thù lao	*Kỳ này*
Ông Nguyễn Công Khế	528.100.000
Bà Võ Hồng Uyên Phương	30.000.000
Ông Nguyễn Hùng Cường	30.000.000
Ông Hoàng Đại Thanh	130.000.000
Ông Nguyễn Anh Nghĩa	30.000.000
Bà Đặng Thị Thanh Vân	30.000.000
Bà Lê Thị Lan Vi	24.000.000
Bà Phạm Thị Như Ngân	24.000.000
Ông Đặng Vũ Nhật Quang	371.600.000
Ông Nguyễn Sơn Trà	263.100.000
Bà Bùi Thị Hồng Minh	249.705.000

Giao dịch khác	Nội dung	Số tiền
Ông Đặng Vũ Nhật Quang	Phải thu khác	4.496.000
	Thanh toán phải thu khác	13.549.000
Bà Lê Thị Lan Vi	Phải thu khác	5.672.000
	Thanh toán phải thu khác	5.672.000
	Nhận tạm ứng	160.000.000
Bà Bùi Thị Hồng Minh	Phải thu khác	22.460.000
	Thanh toán phải thu khác	22.460.000
Ông Đỗ Ngọc Tuấn	Nhận chi phí của Chi nhánh HN	848.910.125

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Khoản mục	Số cuối kỳ
Ông Nguyễn Anh Nghĩa	Phải thu khác	2.633.000
	Tạm ứng	803.962.358
	Nhận đầu tư	30.000.000.000
Ông Hoàng Đại Thanh	Tạm ứng	300.000.000
Ông Đặng Vũ Nhật Quang	Phải thu khác	4.496.000
Ông Đỗ Ngọc Tuấn	Phải thu khác	5.009.491.427
Bà Lê Thị Lan Vi	Phải thu khác	9.963.000
	Tạm ứng	160.000.000

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	Công ty con	51,00%
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	Công ty con	55,55%
Công ty TNHH Long Phước Garden	Công ty con	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Aminia Vĩnh Hy	Công ty liên kết	49,00%
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	Công ty liên kết	34,00%

Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	Công ty liên kết	31,25%
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Công ty liên kết	45,00%
Công ty Cổ phần Truyền thông Ami Thanh Niên	Công ty liên kết	25,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	Công ty liên kết	45,00%
Công ty TNHH MTV Quế Mi	Người có liên quan của Ông Nguyễn Công Khế là Đại điện PL	0,00%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sức Khỏe Việt	Ông Nguyễn Công Khế là Đại điện PL	0,00%
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Thanh Niên	Đầu tư dài hạn	10,00%

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	Cung cấp dịch vụ	70.509.010
	Phải thu khác	1.935.000
	Nhận cung cấp dịch vụ	3.285.516.413
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Cung cấp dịch vụ	246.104.877
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	Cung cấp dịch vụ	41.280.813
	Nhận cung cấp dịch vụ	595.555.556
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sức Khỏe Việt	Cung cấp dịch vụ	77.412.415
	Đặt cọc thuê VP	46.800.000
Công ty TNHH MTV Quế Mi	Thu / chi hộ tiền khám sức khỏe định kỳ	6.715.000
Công ty TNHH Long Phước Garden	Thu tiền mượn	4.000.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Quảng cáo Phát hành Thanh Niên	Nợ phải thu	6.446.164.658
	Nợ phải trả	20.908.800
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên Film	Nợ phải thu	1.521.700.000
Công ty TNHH Long Phước Garden	Nợ phải thu	18.320.000
	Nợ phải trả	6.000.000.000
Công ty TNHH Thanh Niên Investment	Nợ phải thu	5.169.440.796
	Nợ phải trả	1.046.842.476
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thanh Niên	Nợ phải thu	28.167.990
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Thanh Niên	Nợ phải thu	56.586.530
	Nợ phải trả	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Một Thế Giới	Nợ phải thu	2.508.711.872
	Nợ phải trả	-
Công ty Cổ phần Duyên dáng Việt Nam	Nợ phải thu	697.850.001
	Nợ phải trả	1.770.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sức Khỏe Việt	Nợ phải thu	-
	Nợ phải trả	46.800.000

2 . Báo cáo bộ phận

Công ty xác định bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Cho thuê văn phòng, bán hàng hóa, bán thành phẩm báo in, quảng cáo

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

	Cho thuê văn phòng	Bán hàng hóa, thành phẩm	Quảng cáo, tài trợ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.288.066.664	13.548.969.259	17.401.205.342	32.238.241.265
Các chi phí phân bổ	(394.263.701)	(13.188.929.762)	(12.626.409.588)	(26.209.603.051)
Doanh thu tài chính	-	-	-	1.363.559.394
Chi phí tài chính	-	-	-	(129.569.760)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí quản lý	-	-	-	(6.578.003.750)
Thu nhập khác	-	-	-	20.216.218
Chi phí khác	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	893.802.963	360.039.497	4.774.795.754	704.840.316
Chi phí thuế TNDN không phân bổ	-	-	-	202.282.682
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	502.557.634

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4 . Thông tin so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bán niên kết thúc ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán, soát xét.

Lập, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHÙNG KIM DUNG	BÙI THỊ HỒNG MINH	ĐẶNG VŨ NHẬT QUANG